

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực giám định tư pháp, lĩnh vực công chứng, lĩnh vực chứng thực của ngành Tư pháp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: Quyết định số 857/QĐ-BTP ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp; Quyết định số 858/QĐ-BTP ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp; Quyết định số 862/QĐ-BTP ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực giám định tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 87/TTr-STP ngày 01 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 17 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực giám định tư pháp, lĩnh vực công chứng, lĩnh vực chứng thực của ngành Tư pháp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công quốc gia;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, BTCD, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

**DANH MỤC 17 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP,
LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG, LĨNH VỰC CHỨNG THỰC CỦA NGÀNH TƯ PHÁP ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP (CẤP TỈNH): 06 TTHC						
1	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp. Trường hợp từ chối thì phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp giúp Chủ tịch UBND tỉnh cấp thẻ giám định viên tư pháp	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn)	Không	Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu (Viết tắt là Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn) 	Không	Thông tư số 30/2025/TT-BTP ngày 31/12/2025 của Bộ Tư pháp sửa đổi một số thủ tục hành chính quy định tại các Thông tư trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp
3	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Trong thời hạn 23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, thẩm định, thống nhất ý kiến với người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ, Chủ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn) 	Không	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp (Viết tắt là Nghị định số 18/2026/NĐ-CP)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định. Trường hợp không cho phép thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Văn phòng giám định tư pháp bị từ chối thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật			
4	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Tư pháp trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Văn phòng giám định tư pháp bị từ chối chuyển đổi loại hình hoạt động có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn) 	Không	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Văn phòng giám định tư pháp bị từ chối chuyển đổi loại hình hoạt động có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật			
5	2.000555	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ nhận được hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn) 	Không	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn)	Không	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP
II LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (CẤP TỈNH): 01 TTHC						
1	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ, thời hạn xác minh hồ sơ không quá 15 ngày làm việc và có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm đối với những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn)	Không	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên. Người yêu cầu nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ			
III LĨNH VỰC CHỨNG THỰC: 10 TTHC						
III.1 TTHC ÁP DỤNG DÙNG CHUNG: 03 TTHC						
1	2.000908	Cấp bản sao từ sổ gốc	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Thời hạn được tính từ ngày cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ trực tiếp, theo dấu bưu điện đến hoặc theo thời điểm hệ thống dịch vụ công ghi nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã, Tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan đại diện hoặc ngoài trụ sở của cơ quan thực hiện chứng thực nếu người yêu cầu chứng thực thuộc diện già yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác	Không	- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã, Tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan đại diện hoặc ngoài trụ sở của cơ quan thực hiện chứng thực nếu người yêu cầu chứng thực thuộc diện già yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác	- Tại UBND cấp xã, Tổ chức hành nghề công chứng: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.
3	2.001008	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của UBND cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	10.000 đồng/trường hợp	- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
III.2 TTHC CẤP XÃ: 07 TTHC						
1	2.001035	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) Việc chứng thực các giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất được thực hiện tại UBND cấp xã nơi có đất, việc chứng thực các giao dịch về nhà ở được thực hiện tại UBND xã nơi có nhà, trừ các trường hợp sau: chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản; chứng thực di chúc, chứng thực văn bản từ chối nhận di sản; chứng thực văn bản ủy quyền liên quan đến việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất, nhà ở; chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch nêu trên	50.000 đồng/giao dịch	- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.
2	2.001019	Chứng thực di chúc	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	50.000 đồng/di chúc	- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực			
3	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	50.000 đồng/văn bản	- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.
4	2.001406	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) Việc chứng thực các giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất được thực hiện tại UBND cấp xã nơi có đất, việc chứng thực các giao dịch về nhà ở được thực hiện tại UBND cấp xã nơi có nhà	50.000 đồng/văn bản	- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	30.000 đồng/giao dịch	- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.
6	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	25.000 đồng/giao dịch	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	2.000942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. (Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính)	- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.